

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày 04 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thành Luân.

Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16.1/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh T; sinh năm: 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường A, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V và bà: Lê Thị S; tiền án: 02 (ngày 25/4/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 55/2013/HSST; ngày 18/9/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 115/2015/HSST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 24/12/2009 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy”; bị bắt giữ ngày: 10/12/2017, tạm giữ ngày: 10/12/2017, bị tạm giam ngày: 17/12/2017.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Bà Tô Khiết C – Sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Thường trú: đường T, Phường A, Quận B, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày 09/12/2017, Lê Thanh T đi đến Công ty máy tính “Sao Việt” – địa chỉ: 212 đường Nguyễn Tiểu La, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy nhà không có người trông coi; T vào nhà thì nhìn thấy chiếc túi xách màu đen của bà Tô Khiết C để trên kệ sau bàn làm việc; T liền lén lút lấy chiếc túi xách rồi bỏ đi (hành vi trên đã bị camera ghi hình); khi đến hẻm 479 đường Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, T mở túi xách ra thấy có 26.200.000 đồng và 65 thẻ cào Mobiphone và Vinaphone (loại giá 100.000 đồng), T lấy số tài sản trên, còn chiếc túi xách vứt lại hẻm; sau đó T đến tiệm vàng “Trọng Nghĩa” tại chợ Phường 2, Quận 10 mua 01 sợi dây chuyền với giá 4.360.000 đồng và 01 nhẫn vàng với giá 4.450.000 đồng; đổi với tiền mặt, T tiêu xài và trả nợ hết 13.690.000 đồng, còn lại cất giữ 3.700.000 đồng, đổi với thẻ cào thì T đã xài 11 thẻ còn lại 54 thẻ thì cất giữ tại nhà.

Về phía bà Tô Khiết C, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã đến Công an Phường 8 Quận 10 trình báo sự việc, Công an Phường 8, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến cơ quan cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra làm rõ.

Ngày 10/12/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Lê Thanh T và sau đó quyết định khởi tố và điều tra đối với Lê Thanh T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc túi xách, bên trong có 26.200.000 đồng và 65 thẻ cào Mobiphone và Vinaphone (loại giá 100.000 đồng); đã thu hồi 01 sợi dây chuyền với giá 4.360.000 đồng và 01 nhẫn vàng với giá 4.450.000 đồng, 3.700.000 đồng, 54 thẻ cào, đã trả lại cho bị hại và bị hại đồng ý nhận với giá trị tương đương trên; như vậy còn lại 13.690.000 đồng và 11 thẻ cào (mệnh giá 100.000 đồng), không thu hồi lại được; bà C yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, Lê Thanh T khai nhận hành vi như đã nêu trên và khai là nơi cất giấu tài sản để cơ quan thu hồi và giao trả lại một phần tài sản cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Lê Thanh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Lê Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thanh T đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thanh T; xử phạt bị cáo: Lê Thanh T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, đồng thời phạt tiền bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng tới 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi là: 13.690.000 đồng + (11 thẻ cào x 100.000 đồng) = 14.790.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường ngay, về phía bị cáo đồng ý mức bồi thường nhưng xin bồi thường dần, bị hại không đồng ý; thiết nghĩ yêu cầu của bị hại là có cơ sở theo pháp luật; vậy căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Thanh T bồi thường cho chị Tô Khiết C số tiền 14.790.000 đồng.

- Ý kiến của bị cáo: không có gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh T và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh T và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung lời khai của bị hại, nội dung ghi hình của camera, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trị giá: 26.200.000 đồng + (65 thẻ cào x 100.000 đồng) = 32.500.000 đồng; ngoài ra bản thân bị cáo có quá trình nhân thân xấu, cụ thể: ngày 24/12/2009 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” (đã hết thời hiệu tính tiền sự), ngày 25/4/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 18/9/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, như vậy bị cáo đã bị kết án thuộc trường hợp tái phạm, nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét thấy tội danh “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định có lợi đối với bị cáo so với quy định Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo bị truy tố và xét xử tương ứng theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy dù có chiều cố đền đầu đi nữa, thì hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo một tiền để sung quỹ Nhà nước.

[5] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện giao nộp và khai ra nơi cất giữ tài để cơ quan điều tra thu hồi trả cho bị hại làm giảm bớt tác hại của tội phạm; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc túi xách, bên trong có 26.200.000 đồng và 65 thẻ cào Mobiphone và Vinaphone (loại mệnh giá 100.000 đồng); đã thu hồi 01 sợi dây chuyền với giá 4.360.000 đồng và 01 nhẫn vàng với giá 4.450.000 đồng, 3.700.000 đồng, 54 thẻ cào, đã trả lại cho bị hại và bị hại đồng ý nhận với giá trị tương đương trên; như vậy còn lại 13.690.000 đồng và 11 thẻ cào (mệnh giá 100.000 đồng) = 13.690.000 đồng + 11 thẻ cào x 100.000 đồng = 14.790.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường ngay, về phía bị cáo đồng ý mức bồi thường nhưng xin bồi thường dần, bị hại không đồng ý; thiết nghĩ yêu cầu của bị hại là có cơ sở theo pháp luật; vậy áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Thanh T bồi thường cho bà Tô Khiết C số tiền 14.790.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm a, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thanh T;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2017.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Thanh T bồi thường cho bà Tô Khiết C số tiền 14.790.000 (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 739.500 (bảy trăm ba mươi chín năm trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo thì tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Triệu Luật